

SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM  
TRUNG TÂM  
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KSBT-TCKT  
V/v đề nghị cung cấp báo giá  
gói thầu “Mua vật tư, hóa chất,  
sinh phẩm xét nghiệm dịch vụ”

Kon Tum, ngày tháng năm

Kính gửi: Các doanh nghiệp sản xuất/ kinh doanh vật tư,  
hóa chất xét nghiệm trong và ngoài tỉnh.

Để có cơ sở triển khai thực hiện các bước mua sắm thuộc gói thầu “Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm dịch vụ” của Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đề nghị các doanh nghiệp sản xuất/ kinh doanh các hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm trong và ngoài tỉnh có khả năng cung cấp hàng hóa gói thầu (nêu trên) quan tâm Báo giá các mặt hàng tính đến thời điểm hiện nay, cụ thể như sau:

**1. Danh mục đề nghị Báo giá**

- Danh mục, quy cách: Theo Phụ lục gửi kèm.

- Yêu cầu hàng hóa báo giá: Giá bao gồm thuế, chi phí vận chuyển; mới 100% khi bàn giao; có giấy chứng nhận xuất xứ, lưu hành theo quy định. *Đề nghị doanh nghiệp không thay đổi các thông tin trên mẫu báo giá ban hành kèm theo Công văn này.*

**2. Địa chỉ và hình thức nhận báo giá**

- Địa chỉ nhận báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum (số 405 Bà Triệu- TP Kon Tum- tỉnh Kon Tum, điện thoại liên lạc 02603.862940).

- Hình thức nhận báo giá: Các doanh nghiệp gửi báo giá bằng các hình thức: (1) gửi trực tiếp đến phòng Tài chính- Kế toán hoặc văn thư; (2) đường bưu điện; (3) fax 02603.862535; (4) qua e-mail: tckt.cdc.kontum@gmail.com.

**3. Thời gian nhận báo giá: Trước 14 giờ, ngày 26/7/2023.**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kính mong nhận được sự phối hợp của các doanh nghiệp sản xuất/ kinh doanh trong và ngoài tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng TCHC (đăng trên trên trang thông tin điện tử qua Website của TT KSBT);
- Lưu: VT, TCKT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Vân**

(Mẫu)

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại/fax: .....

## BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-TCKT ngày 17/7/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tỉnh Kon Tum)

**Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum.**

Căn cứ Công văn số: /KSBT-TCKT ngày 17/7/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum về việc đề nghị cung cấp báo giá gói thầu “Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm dịch vụ”. Chúng tôi xin trân trọng báo giá để quý đơn vị tham khảo, như sau:

| T<br>T | Tên hàng hóa/ yêu cầu kỹ thuật | Quy cách                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                          | Hãng/Nước sản xuất | ĐVT  | Số lượng | Đơn giá (VAT) | Thành tiền | Ghi chú |
|--------|--------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------|----------|---------------|------------|---------|
| 1      | Hemolynac 3N                   | 500 ml/Chai                | - Dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin<br>- Trạng thái vật lý: chất lỏng<br>- Thành phần: Nước tinh khiết, chất hoạt động bề mặt muối amoni bậc bốn 3.55% - 3.93% |                    | Chai | 03       |               |            |         |
| 2      | AST/GOT 330                    | 330ml/Hộp                  | R1: Tris Buffer (pH 7.5) 110 mmol/l<br>L-Aspartic acid 340 mmol/l<br>LDH $\geq 4000$ U/l<br>MDH $\geq 750$ U/l<br>R2: CAPSO 20 mmol/l<br>2-oxoglutarate 85 mmol /l<br>NADH 1.05 mmol/l     |                    | Hộp  | 03       |               |            |         |
| 3      | ALT/GPT 330                    | 330ml/Hộp                  | R1: Tris Buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l<br>L-Alanine 709 mmol/l<br>LDH (microbial) $\geq 2000$ U/l<br>R2: CAPSO 20 mmol/l<br>2-oxoglutarate 85 mmol /l<br>NADH 1.05 mmol/l                   |                    | Hộp  | 03       |               |            |         |
| 4      | Urea 275                       | R1: 5 x 44 ml<br>, R2: 5 x | R1: Tris Buffer 100 mmol/l<br>$\alpha$ -Ketoglutarate 5.49 mmol/l                                                                                                                          |                    | Hộp  | 03       |               |            |         |

|                          |                                                                     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |     |       |  |  |  |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----|-------|--|--|--|
|                          |                                                                     | 11ml                          | Urease (Jack Bean) $\geq 10$ KU/l<br>GLDH (Microorganism) $\geq 3.8$ KU/l<br>R2: NADH 1.66 mmol/l.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |     |       |  |  |  |
| 5                        | Creatinine 275                                                      | R1:5 x 44 ml<br>, R2:5 x 11ml | R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l.<br>R2:PicricAcid: 26mmol/l                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  | Hộp | 03    |  |  |  |
| 6                        | Lọ đựng nước tiểu                                                   | 50 lọ/Bịch                    | Lọ lưu trữ sinh phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | Lọ  | 3.000 |  |  |  |
| 7                        | Cuvette for TC-Matrix<br>chạy máy sinh hóa tự động Mindray (BS-200) | 250 cái/Thùng                 | Chất liệu nhựa trong suốt, dùng để chạy máy sinh hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | Cái | 2.000 |  |  |  |
| 8                        | Ống nghiệm EDTA                                                     | 100 ống/Hộp                   | Ống nghiệm chống đông dùng trong xét nghiệm huyết học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | Ống | 3.000 |  |  |  |
| 9                        | Bơm tiêm 3 ml                                                       | 100 cái/Hộp                   | - Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn<br>- Xy lanh đầu côn hoặc đầu xoắn, trong suốt, nhẵn bóng không cong vênh, không có bavía. Vạch chia dung tích rõ nét<br>- Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn, di chuyển dễ dàng tạo độ kín khít giữa pít tông và xi lanh<br>- Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy.<br>- Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP<br>- Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).H62 |  | Cái | 3.000 |  |  |  |
| <b>Tổng cộng:09 loại</b> |                                                                     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |     |       |  |  |  |

**Số tiền bằng chữ:** .....

**Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm các loại thuế và chi phí vận chuyển.
- Hạn dùng các mặt hàng, ít nhất 12 tháng, từ khi nhận hàng.
- Hiệu lực của báo giá: 60 ngày./.

....., ngày... tháng.... năm .....

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CUNG CẤP GIÁ**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

